

Phụ lục

THÔNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ NĂM 2022 CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Kết quả thống kê	Ghi chú
			Số lượng/tỷ lệ	
I	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%		Kế hoạch số 09/KH-SCT ngày 26/01/2022
	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	22	
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	22	
	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	7	(1) Kế hoạch số 09/KH-SCT ngày 26/01/2022 về thực hiện CCHC; (2) Kế hoạch số 28/KH-SCT ngày 09/3/2022 về tuyên truyền CCHC; (3) Kế hoạch số 08/KH-SCT ngày 24/01/2022 về Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương; (4) Kế hoạch số 10/KH-SCT ngày 26/01/2022 về thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính; (5) Kế hoạch số 35/KH-SCT ngày 23/3/2022 về Kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2022 của Sở Công Thương; (6) Kế hoạch số 71/KH-SCT ngày 13/6/2022 thực hiện cải cách hành chính giai đoạn 2021 – 2030; (7) Kế hoạch số 79/KH- SCT ngày 12/7/2022 về triển khai thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Kết quả thống kê	Ghi chú
			Số lượng/tỷ lệ	
2	Kiểm tra CCHC			
	Số phòng ban đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	2	Đã hoàn thành- Quyết định số 41/QĐ-SCT ngày 29/6/2022 về việc thành lập Tổ kiểm tra- Thông báo số 26/TB-TKT ngày 05/7/2022 về việc thông báo Kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2022 tại các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc Sở Công Thương (02 phòng chuyên môn kiểm tra thông qua báo cáo)
	Số đơn vị trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	2	Đã hoàn thành- Quyết định số 41/QĐ-SCT ngày 29/6/2022 về việc thành lập Tổ kiểm tra- Thông báo số 26/TB-TKT ngày 05/7/2022 về việc thông báo Kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2022 tại các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc Sở Công Thương- Thông báo số 94/TB-SCT Kết quả kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2022 đối với Trung tâm Khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp.- Thông báo 95/TB-SCT Kết quả kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2022 đối với Trung tâm Xúc tiến Thương mại
	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	1	Chưa có quy định nội dung văn hóa công sở
	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	1	Quyết định số 27/QĐ-TTKC ngày 01/11/2022 của Trung tâm Khuyến công và Tư vấn PTCN về ban hành Quy chế văn hóa công vụ của Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp tỉnh Sóc Trăng
3	Tuyên truyền CCHC			Kế hoạch số 28/KH-SCT ngày 09/3/2022 về tuyên truyền CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Kết quả thống kê	Ghi chú
			Số lượng/tỷ lệ	
	Tỷ lệ thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền theo kế hoạch	%	72,7	
	Số lượng tin, bài viết, phóng sự gửi và duyệt đăng tại Chuyên trang CCHC tỉnh (https://cchc.soctrang.gov.vn/)	Tin, bài	4	(1) Sở Công thương Sóc Trăng hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận thủ tục hành chính bằng mã QR. Ngày đăng 19/01/2022; (2) Ủy ban nhân dân tỉnh công bố TTHC mới thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương. Ngày đăng 07/3/2022; (3) Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định về quy trình một cửa liên thông cấp điện tử lưới điện trung áp trên địa bàn tỉnh. Ngày đăng 16/5/2022; (04) UBND tỉnh thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực hóa chất thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Sóc Trăng
	Số lượng tin, bài viết, phóng sự đã đăng tại Chuyên mục CCHC của Trang Thông tin điện tử của đơn vị	Tin, bài	10	(1) UBND tỉnh phê duyệt 02 quy trình giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết TTHC. Ngày đăng 11/01/2022; (2) Sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực công thương. Ngày đăng 20/2/2022; (3) UBND tỉnh công bố TTHC mới thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương. Ngày đăng 09/3/2022; (4) Tổ chức triển khai
	Có thực hiện tuyên truyền CCHC thường xuyên thông qua phương tiện truyền thông (báo, đài, website, zalo, ...)	Tin, bài	8	04 bài trên báo Sóc Trăng, và 04 phóng sự trên Đài Phát thanh và Truyền hình Sóc Trăng

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Kết quả thống kê	Ghi chú
			Số lượng/tỷ lệ	
	Có thực hiện tuyên truyền CCHC thường xuyên thông qua các cuộc họp, hội nghị, hội thi, hội diễn,...	Có = 1 Không = 0	1	
4	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao			
	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	6	Công văn số 1380/UBND-TH ngày 30/6/2022 về thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 18/6/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV (trình UBND trước ngày 20/7/2022)
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	6	
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5	Có sáng kiến, giải pháp mới về CCHC	Không = 0; Có = 1		
6	Thực hiện khen thưởng về kết quả CCHC	Không = 0; Có = 1	1	
7	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Kết quả thống kê	Ghi chú
			Số lượng/tỷ lệ	
	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	75	Số liệu được lấy từ Báo cáo của Trung tâm Phục vụ hành chính công tháng 1, 2 (BC số 02/BC- TTHC, ngày 11/2/2022, BC số 03/BC- TTHC ngày 04/3/2022, BC số 04 ngày 04/4/2022, BC số 05/BC- TTHC ngày 05/5/2022 và BC số 06/BC-TTHC ngày 07/6/2022, BC số 08/BC-TTHC, ngày 7/7/2022, BC số 09/BC-TTHC ngày 05/8/2022 và BC số 10/BC-TTHC ngày 07/9/2022).
	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
	Tỷ lệ hài lòng trong kỳ báo cáo	%	100	
8	Việc chấp hành Chỉ thị 10 của Chủ tịch UBND tỉnh, Chỉ thị 10 và Chỉ thị 26 của Thủ tướng Chính phủ về kỷ luật, kỷ cương hành chính	Tốt =1 Có vi phạm = 0	1	
9	Nhiệm vụ khác (nếu có)			
II	Cải cách thể chế			
1	Số VBQPPL đã tham mưu ban hành	Văn bản	1	Quyết định số 28/2022/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Sóc Trăng.

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Kết quả thống kê	Ghi chú
			Số lượng/tỷ lệ	
	Số VBQPPL tham mưu ban hành đúng tiến độ	Văn bản	1	
	Số VBQPPL tham mưu ban hành đúng quy trình, thủ tục theo quy định	Văn bản	1	
2	Rà soát VBQPPL			
	Số VBQPPL phải rà soát		25	
	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	25	
	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau rà soát	Văn bản	11	
	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	2	
3	Thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật	Không = 0; Có = 1	1	
	Số lượng văn bản đã tuyên truyền	Văn bản	38	
III	Cải cách thủ tục hành chính			
1	Kiểm soát TTHC	Không = 0; Có = 1	1	Kế hoạch số 10/KH-SCT ngày 26/01/2022
	Số lượng TTHC thực hiện rà soát	TTHC	1	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Kết quả thống kê	Ghi chú
			Số lượng/tỷ lệ	
2	Kế hoạch rà soát TTHC	Có = 1; Không = 0	1	Kế hoạch số 08/KH-SCT ngày 24/01/2022
3	Đơn giản hóa TTHC	Không = 0; Có = 1	1	Báo cáo số 186/BC-SCT ngày 28/6/2022 Tình hình, kết quả rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2022 tại Sở Công Thương tỉnh Sóc Trăng; Quyết định 2296/QĐ-UBND ngày 05/9/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng.
	Rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định	Thủ tục	9	09 TTHC rút ngắn thời gian 10 ngày so với quy định, cụ thể: '- 06 TTHC rút ngắn thời gian từ 30 ngày làm việc giảm còn 20 ngày làm việc: '+ Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu'+ Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu'+ . Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu'+ Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu'+ Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu'+ Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu'- 03 TTHC rút ngắn thời gian từ 20 ngày làm việc giảm còn 10 ngày làm việc: '+ Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu'+ Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu'+ Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu(Theo Quyết định 492/QĐ-UBND ngày 18/02/2022)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Kết quả thống kê	Ghi chú
			Số lượng/tỷ lệ	
	Giảm thành phần hồ sơ	Thủ tục	1	Báo cáo số 186/BC-SCT ngày 28/6/2022 Tình hình, kết quả rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2022 tại Sở Công Thương tỉnh Sóc Trăng; Quyết định 2296/QĐ-UBND ngày 05/9/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng.
	Khác	Thủ tục		
4	Thống kê TTHC			
	Số TTHC được công bố mới	Thủ tục	14	Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 19/2/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng; Quyết định số 2238/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực An toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Sóc Trăng; Quyết định số 3091/QĐ-UBND ngày 15/11/2022.
	Số TTHC đã được bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	9	Quyết định số 491/QĐ-UBND ngày 19/2/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng.
	Tổng số TTHC đang có hiệu lực:	Thủ tục	114	
	- Số TTHC áp dụng tại cơ quan, đơn vị:	Thủ tục	114	
	- Số TTHC áp dụng tại các đơn vị trực thuộc:	Thủ tục	0	
5	Có thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	Có = 1 Không = 0	1	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Kết quả thống kê	Ghi chú
			Số lượng/tỷ lệ	
	Số lượng ý kiến đã tiếp nhận	Ý kiến	0	
	Số lượng ý kiến đã giải quyết	Ý kiến	0	
6	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	0	
	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	0	
	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100	
	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
7	Kết quả giải quyết TTHC			
	Số lượng hồ sơ TTHC do cơ quan, đơn vị tiếp nhận		19.163	
	Số lượng hồ sơ TTHC do cơ quan, đơn vị trả kết quả		19.135	
	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
IV	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
1	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
	Số phòng ban chuyên môn thuộc khối văn phòng sở	Cơ quan, đơn vị	5	Văn phòng, Thanh tra, Quản lý Thương mại, Quản lý Năng lượng; Quản lý Công nghiệp

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Kết quả thống kê	Ghi chú
			Số lượng/tỷ lệ	
	Số tổ chức hành chính trực thuộc sở ngành (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số phòng ban chuyên môn trong tổ chức hành chính trực thuộc (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở ngành (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	2	Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp;- Trung tâm Xúc tiến thương mại
	Số phòng ban chuyên môn trong đơn vị sự nghiệp trực thuộc (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	3	- Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp: có 03 phòng;'- Trung tâm Xúc tiến thương mại: 0
	Số lượng phòng ban, tổ chức hành chính thuộc sở cắt giảm trong năm (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	3	Sở Công thương thực hiện sát nhập phòng, theo đó giảm được 03 phòng: Phòng Kỹ thuật an toàn và Môi trường (sáp nhập vào phòng Quản lý công nghiệp), Phòng Pháp chế (sáp nhập vào Thanh tra), Phòng Kế hoạch - Tài chính - Tổng hợp (sáp nhập vào Văn phòng)
	Tỷ lệ phòng ban, tổ chức hành chính thuộc sở cắt giảm so với kế hoạch năm (nếu có)	%	100	
	Số lượng đơn vị sự nghiệp cắt giảm trong năm (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số phòng ban trong đơn vị sự nghiệp thuộc sở được cắt giảm trong năm (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	0	
	Tỷ lệ phòng ban trong đơn vị sự nghiệp thuộc sở được cắt giảm so với kế hoạch năm (nếu có)	%		
2	Số liệu về biên chế công chức			

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Kết quả thống kê	Ghi chú
			Số lượng/tỷ lệ	
	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	39	Tổng số 39, trong đó: biên chế công chức là 35; HĐ theo ND số 68/2000/ND-CP: 04 (theo QĐ số 28/QĐ-UBND ngày 07/01/2022)
	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	35	Trong đó: công chức là 31; HĐ theo ND số 68/2000/ND-CP: 04
	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	0	
	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với kế hoạch năm	%		
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có)			
	Tổng số người làm việc được giao	Người	24	- Số người làm việc: 24- Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP: 02(Qyết định số 29/QĐ-UBND ngày 07/01/2022)
	Tổng số người làm việc có mặt	Người	21	- Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp: 14 người;- Trung tâm Xúc tiến thương mại: 7 người.- HĐ theo Nghị định 68/2000/ND-CP: 0 người
	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
	Tỷ lệ % đã tinh giản so với kế hoạch năm	%		
4	Số người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn (nếu có)		0	
	Tổng số người làm việc được duyệt	Người		
	Tổng số người làm việc có mặt	Người		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Kết quả thống kê	Ghi chú
			Số lượng/tỷ lệ	
5	Số liệu về lãnh đạo			
	Số lượng lãnh đạo cấp sở, ngành	Người	4	01 Giám đốc, 03 Phó Giám đốc
	Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc sở, ngành	Người	14	Phòng chuyên môn: 10, Đơn vị trực thuộc: 04
	Số lượng lãnh đạo cấp phòng trong đơn vị trực thuộc	Người	4	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc đơn vị Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp
6	Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước			
	Số đơn vị hành chính cấp huyện, phòng chuyên môn cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	1	Kế hoạch số 119/KH-SCT ngày 16/11/2022 và Quyết định số 96/QĐ-SCT ngày 07/12/2022
	Số đơn vị hành chính cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
7	Thanh tra chuyên ngành			
	Số sở ngành và các đơn vị trực thuộc sở ngành đã thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
	Số đơn vị hành chính cấp huyện và các đơn vị thuộc, trực thuộc UBND cấp huyện đã thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
	Số đơn vị hành chính cấp xã đã thanh tra	Cơ quan, đơn vị		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Kết quả thống kê	Ghi chú
			Số lượng/tỷ lệ	
	Số vấn đề phát hiện qua thanh tra	Vấn đề		
	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
V	Cải cách chế độ công vụ			
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
	Cơ quan, đơn vị đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Có = 1 Không = 0	1	Quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh phê duyệt Danh mục vị trí việc làm, biên chế công chức và cơ cấu ngạch công chức thuộc Sở Công Thương
	Cơ quan, đơn vị đã thực hiện rà soát, hoàn chỉnh bản mô tả vị trí việc làm, khung năng lực công chức, viên chức theo chức năng, nhiệm vụ hiện hành và gửi về Sở Nội vụ	Có = 1 Không = 0	1	Sở Công Thương xây dựng Đề án VTVL và có văn bản gửi Sở Nội vụ tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt Đề án (Công văn số 111/SCT-VP ngày 25/01/2022); Ngày 01/6/2022, Sở Công Thương hoàn thiện Đề án điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức theo ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 32/TTr-SCT ngày 01/6/2022.
2	Tuyển dụng công chức, viên chức (nếu có)			
	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	1	Tờ trình số 37/TTr-SCT ngày 22/6/2022; Công văn số 2065/UBND-TH ngày 16/9/2022 và Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 17/11/2022

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Kết quả thống kê	Ghi chú
			Số lượng/tỷ lệ	
	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	Trong năm 2022, Sở Công Thương không tuyển dụng viên chức
	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
3	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	0	
	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người		
	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	3	02 trưởng phòng và 01 phó trưởng phòng
	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc đơn vị trực thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
4	Công tác đào tạo, bồi dưỡng			
	Số người được đào tạo, bồi dưỡng theo Kế hoạch	Người	13	
	Số người đã được đào tạo, bồi dưỡng thực tế	Người	16	
5	Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác			

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Kết quả thống kê	Ghi chú
			Số lượng/tỷ lệ	
	Chỉ tiêu chuyển đổi theo quy định	Người		
	Kết quả thực hiện thực tế	Người		
6	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).		0	
	Số lãnh đạo cấp sở, ngành bị kỷ luật.	Người		
	Số lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc sở, ngành bị kỷ luật.	Người		
	Số lãnh đạo cấp phòng trong đơn vị trực thuộc sở, ngành bị kỷ luật.	Người		
	Số công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc sở, ngành bị kỷ luật.	Người		
	Số người làm việc tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	
	- Trong đơn vị SNCL tự chủ hoàn toàn			
	- Trong đơn vị SNCL tự chủ một phần			
	- Trong đơn vị SNCL do ngân sách nhà nước đảm bảo			

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Kết quả thống kê	Ghi chú
			Số lượng/tỷ lệ	
VI	Cải cách tài chính công			
1	Sở ngành thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định	Có = 1 Không = 0	1	
2	Số tổ chức hành chính trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính	Cơ quan, đơn vị		
3	Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) thực hiện cơ chế tự chủ			
	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	2	Trung tâm Xúc tiến thương mại và Trung tâm Khuyến công và Tư vấn PTCN
4	Quy chế chi tiêu nội bộ của sở ngành đã được thẩm định và ban hành theo quy định	Có = 1 Không = 0	1	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Kết quả thống kê	Ghi chú
			Số lượng/tỷ lệ	
5	Số lượng đơn vị trực thuộc có Quy chế chỉ tiêu nội bộ đã được thẩm định và ban hành theo quy định	Cơ quan, đơn vị	2	Trung tâm Xúc tiến thương mại (Quyết định số 03/QĐ-TTXTTM ngày 17/5/2022) và Trung tâm Khuyến công và Tư vấn PTCN (Quyết định số 04/QĐ-TTKC ngày 14/02/2022)
VII	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
1	Ban hành kế hoạch phát triển chính quyền số, ứng dụng CNTT	Có = 1; Không = 0	1	Kế hoạch số 77/KH-SCT ngày 28/6/2022
2	Bố trí công chức, viên chức chuyên trách CNTT	Người	0	
1	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
	Tổng số văn bản đi của cơ quan, đơn vị (văn bản điện tử và văn bản giấy)	Văn bản	2.951	
	- Số lượng văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	Văn bản	2.951	
	- Số lượng văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	Văn bản	0	
2	Vận hành kết nối liên thông với Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh	Có = 1 Không = 0		
3	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4			

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Kết quả thống kê	Ghi chú
			Số lượng/tỷ lệ	
	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3			
	- Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	0	
	- Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	0	
	- Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	TTHC		
	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4			
	- Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	105	
	- Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	105	
	- Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	TTHC	12	
	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia	TTHC	2	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Kết quả thống kê	Ghi chú
			Số lượng/tỷ lệ	
	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến đối với các TTHC đã cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	TTHC	19.163	
	Số lượng hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	TTHC	18.560	
	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	TTHC	75	
	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC Quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh	TTHC	75	
	Vận hành hệ thống báo cáo cấp tỉnh	Có = 1; Không = 0	1	Hiện tại Sở Công Thương thực hiện báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Sóc Trăng tại địa chỉ https://ktxh.soctrang.gov.vn : gồm 03 báo cáo: (1) báo cáo một số chỉ tiêu về tình hình, kết quả thực hiện CCHC; (2) Báo cáo kết quả thực hiện CCHC; Báo cáo kinh tế-XH
	Sử dụng phần mềm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh giao	Có = 1; Không = 0	0	Được cung cấp tài khoản nhưng do UBND tỉnh chưa áp dụng
	Số lượng công chức, viên chức có tài khoản thư điện tử chính thức	Người	52	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Kết quả thống kê	Ghi chú
			Số lượng/tỷ lệ	
	Số lượng lãnh đạo được cấp chứng thư số	Người	19	Trong đó: 04 Lãnh đạo Sở; 15 Lãnh đạo cấp phòng và tương đương
	Triển khai các ứng dụng số khác như: Quản lý nhân sự, Quản lý tài chính – Kế toán, Quản lý Thi đua – Khen thưởng, Quản lý tài sản	Số lượng phần mềm	6	(1) Phần mềm Hệ thống quản lý văn bản điều hành được áp dụng từ năm 2018 và áp dụng chữ ký số từ 01/4/2019; (2) phần mềm Một cửa điện tử áp dụng từ tháng 10/2015; (3) phần mềm kế toán áp dụng từ năm 2010 (tự trang bị); (4) phần mềm Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại, tố cáo được áp dụng vào ngày 15/6/2021; (5) Cơ sở dữ liệu báo cáo tổng hợp, áp dụng vào ngày 15/6/2021; (6) Phần mềm quản lý tài sản
4	Dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)			
	Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ (BCCI)	TTHC	11	
	Tổng số TTHC thực tế được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	TTHC	2	
	Tổng số TTHC thực tế được trả kết quả qua dịch vụ BCCI	TTHC	1	
	Tổng số hồ sơ thực tế được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ	7	
	Tổng số hồ sơ thực tế được trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ	1	Theo quy định, đối với TTHC này nếu hồ sơ nộp đầy đủ, hợp lệ thì Sở Công Thương không trả kết quả (trong vòng 05 ngày nếu tổ chức không nhận yêu cầu bổ sung của Sở Công Thương xem như được phép thực hiện).

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Kết quả thống kê	Ghi chú
			Số lượng/tỷ lệ	
5	Áp dụng ISO trong hoạt động			
	Sở ngành thực hiện công bố, công bố lại ISO	Có = 1 Không = 0	1	Quyết định số 17/QĐ-SCT ngày 28/02/2022 (Do mở rộng phạm vi) Quyết định số 94/QĐ-SCT ngày 02/12/2022 (do thay đổi tên thủ tục)
	Sở ngành thực hiện đánh giá nội bộ	Có = 1 Không = 0	1	Quyết định số 50/QĐ-SCT ngày 13/7/2022 thành lập đoàn đánh giá nội bộ áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 của Sở Công Thương năm 2022
	Sở ngành thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng	Có = 1 Không = 0	1	Đã tổ chức xem xét lãnh đạo sau khi đánh giá nội bộ
	Đơn vị trực thuộc sở ngành thực hiện công bố, công bố lại ISO	Có = 1 Không = 0	0	Do đơn vị không áp dụng hệ thống
	Đơn vị trực thuộc sở ngành thực hiện đánh giá nội bộ	Có = 1 Không = 0		
	Đơn vị trực thuộc sở ngành thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng	Có = 1 Không = 0		